

THƠ VỊNH SỬ TRUNG HOA TRONG NGŨ CHẾ THI TẬP CỦA VUA MINH MỆNH¹

LƯƠNG THỊ HẢI VÂN *

Tóm tắt: Trong kho tàng thơ ca đồ sộ của vua Minh Mệnh thể tài vịnh sử Trung Hoa chỉ chiếm một phần nhỏ trong đó. Tuy vậy, những bài thơ về chủ đề này lại khiến cho người đọc nhiều thú vị. Các nhân vật được vua Minh Mệnh nhắc đến bao gồm các vị vua của triều đại Đường, Minh, Thanh,... cùng các viên quan trong các triều đại ấy. Những vị quân thần trong lịch sử Trung Hoa hiện lên trong thơ Minh Mệnh có cả khen ngợi và chỉ trích. Khen những vị minh quân có tầm nhìn xa trông rộng biết trọng người tài, chỉ trích những vị vua chỉ biết dung bễ tôi xu nịnh; khen những vị bễ tôi có lòng tận trung báo quốc, chê những kẻ đại nghịch bất đạo khiến cho người đời căm ghét. Qua việc vịnh sử Trung Hoa, vua Minh Mệnh muốn nhắc nhở cho con cháu của triều Nguyễn hãy noi theo cái hay để học, tránh xa thói xấu, mong con cháu có thể giữ vững cơ đồ đế vương.

Từ khóa: Thơ vịnh sử Trung Hoa, vua Minh Mệnh, *Ngũ chế thi tập*.

Abstract: In the voluminous poetic treasure of Emperor Minh Menh, the poems about Chinese history only account for a small part. However, they make readers feel interested. The characters mentioned in these poems include the emperors of the Tang, Ming, Qing dynasties, etc. and mandarins in those dynasties, they appear in Minh Menh's poems with both praise and criticism. Praising the wise emperors who have the far-sighted vision and know how to respect talents, criticizing the emperors who only use fawning servants; praising the servants who are wholehearted to favor nation, criticizing those who are disloyal and immoral, making people hate them. Through the poems written about Chinese history, Emperor Minh Menh would like to

remind the descendants of the Nguyen dynasty to learn good things and not imitate the bad ones. He hoped that his descendants could keep their homeland forever.

Keywords: Poems about the history of China, Emperor Minh Menh, *Ngũ chế thi tập*.

1. Đặt vấn đề

Trong văn học Trung đại Việt Nam thơ vịnh sử là một đề tài rất phổ biến bắt nguồn từ cảm hứng lịch sử Việt Nam và Trung Hoa. Tuy nhiên, khác với một tác phẩm sử biên niên hay một tác phẩm sử học, trong đó tính biên niên, tính nghiêm cẩn của sử bút được đề cao lên hàng đầu, thì thơ vịnh sử đánh giá và bình luận về một nhân vật hoặc một sự kiện lịch sử đã có độ lùi về thời gian, bằng hình tượng văn học và ngôn ngữ thi ca. Thông qua những bài thơ vịnh sử, tác giả rút ra bài học, coi đó như một tấm gương soi và gửi gắm quan điểm nhân sinh của mình. Có một sự khác biệt với nhà viết sử, sự chọn lựa nhân vật hay sự kiện lịch sử nào đó để sáng tác thơ không hoàn toàn tùy thuộc vào tầm vóc của nhân vật hoặc sự kiện mà tùy thuộc vào cảm hứng rất riêng của người viết, mang đậm dấu ấn nhân sinh quan của tác giả. Đây là tài liệu văn - sử rất hữu ích cho việc nghiên cứu tư tưởng của

* TS - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: vanlth@tnue.edu.vn

các Nho gia Việt Nam trong quá khứ.

Trong các tác giả viết thơ vịnh sử Trung Hoa của Văn học Trung đại Việt Nam, có một số vị hoàng đế sáng tác rất nhiều thơ vịnh sử, như Lê Thánh Tông với 100 bài trong *Cổ tâm bách vịnh*; Thiệu Trị có 218 bài trong *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập*; Tự Đức với 212 bài trong *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*;... Có thể thấy, đây là một thể tài truyền thống, được sáng tác liên tục trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của dân tộc. Tuy nhiên, cho đến nay chỉ có một số ít người quan tâm nghiên cứu về mảng thơ này, có lẽ vì tính chất giáo huấn và phong cách sử bút của loại thơ này chăng?!

Người sớm quan tâm tìm hiểu và viết về thơ vịnh sử là nhà nghiên cứu Bùi Duy Tân, tuy nhiên thành tựu mới ở bước đầu [5], [6]. Mấy năm gần đây, bên cạnh Bùi Duy Tân, đã có các nhà nghiên cứu và giảng dạy văn học triển khai một số công trình nghiên cứu về thơ vịnh sử như: Quách Thu Hiền nghiên cứu về nhóm “Trường An tứ hủ” và cuốn *Vịnh sử thi quyền*; Phan Thị Kim Luyến nghiên cứu về *Khiếu vịnh thi tập* của Hà Nhiệm Đại; Bùi Duy Dân và Nguyễn Đức Thọ nghiên cứu về thơ vịnh Nam sử và thơ vịnh Bắc sử nhưng đến nay những công trình nghiên cứu này (trừ các công trình của Bùi Duy Tân) đều chưa công bố thành sách hoặc in trên các tạp chí [1]. Gần đây nhất là bài viết *Đề tài vịnh sử trong thơ sử trình triều Nguyễn (1802 - 1884)* của Phạm Thị Gái, đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Huế, Khoa học và Xã hội Nhân văn, tập 130, số 6A năm 2021.

Trong bối cảnh đó, bài viết này bước đầu khảo sát, phân tích đặc điểm thơ vịnh sử Trung Hoa trong *Ngự chế thi tập* của vua Minh Mệnh (1791 - 1841), một trong những vị vua có nhiều thành tích nhất của nhà Nguyễn cả về chính trị lẫn sáng tác văn học, góp phần bổ sung tư liệu về mảng thơ vịnh sử

Trung Hoa trong lịch sử Văn học Việt Nam nói chung và Văn học Trung đại nói riêng.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về *Ngự chế thi tập*

Ngự chế thi tập (御製詩集) là một bộ sách gồm 6 tập được đánh số từ *sơ tập* đến *lục tập*, tập hợp những bài thơ được Minh Mệnh sáng tác trong thời gian trị vì vương triều Nguyễn (1820 - 1840). Trong đó, *Ngự chế thi sơ tập* đến *Ngự chế thi ngũ tập* là được khắc in khi Minh Mệnh còn sống. Còn bộ *Ngự chế thi lục tập* sau này được vua Thiệu Trị cho khắc in. Qua tra cứu, hiện *Ngự chế thi tập* đang được lưu giữ một bộ ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm và một bộ ván in (mộc bản) ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV Đà Lạt.

Mỗi một bộ *Ngự chế thi* đều được chia làm các quyển nhỏ hơn và phân thành cấu trúc: 2 quyển *Mục lục*, và 10 quyển *Chính văn*. *Ngự chế thi* với hơn 3.500 bài thơ gồm nhiều các thể tài chủ đề phong phú như thơ vịnh thiên nhiên, thơ vịnh cảnh vịnh vật, thơ chính sự, thơ vịnh sử, thơ tự huấn, thơ cảm tác,... Tất cả đã làm nên một tập thơ đồ sộ không chỉ của riêng tác giả mà của cả nền Văn học Trung đại giai đoạn triều Nguyễn với những giá trị lịch sử văn hóa còn nguyên giá trị đến nay và mai sau.

Trong các thể tài chủ đề nêu trên thì thơ vịnh sử chỉ chiếm một phần khiêm tốn nhưng lại có ý nghĩa to lớn trong việc nghiên cứu lịch sử Trung Quốc từ góc nhìn “bên ngoài” thông qua những đánh giá, nhận xét của vua Minh Mệnh về các nhân vật lịch sử, sự kiện trong các triều đại phong kiến Trung Hoa.

2.2. Những bài thơ vịnh sử Trung Hoa trong *Ngự chế thi tập*

Trong *Ngự chế thi sơ tập* (tập thơ *Ngự chế* đầu tiên) của Minh Mệnh, liên quan đến vấn đề nghiên cứu sử và vịnh sử Trung Quốc, qua thống kê phân loại, chúng tôi nhận thấy tác

giả hay làm những bài thơ theo vận của một số nhà thơ nổi tiếng như Lý Bạch, Đỗ Phủ,... Tiêu biểu như các bài: 賦得靜夜思步李白原韻 (Phủ đắc tĩnh dạ tứ bộ Lý Bạch nguyên vận); 詠南華李步唐太宗探得詩原韻 (Vịnh Nam Hoa lý bộ Đường Thái Tông thám đắc thi nguyên vận); 見清典世宗有三推加一之禮心不取而作 (Kiến Thanh điển thế Tông hữu tam suy gia nhất chi lễ tâm bất thủ nhi tác); 題乾隆御銘端石硯 (Đề Càn Long ngự minh đoan thạch nghiễn); 戲題彭祖觀井圖 (Hi đề Bành Tổ quan tỉnh đồ); 題黥布傳 (Đề Kinh Bố truyện); 又題漢王待黥布事 (Hựu đề Hán Vương đãi Kinh Bố sự); 讀史十咏 (Độc sử thập vịnh); 漢高祖分羹 (Hán Cao Tổ phân canh); 漢光武不為疲 (Hán Quang Vũ bất vi bì); 唐太宗貪官賜帛 (Đường Thái Tông tham quan tứ bạch); 唐太宗囑用李勣 (Đường Thái Tông chúc dụng Lý Tích); 唐明皇寧天下肥 (Đường Minh Hoàng ninh thiên hạ phì); 明太祖問劉三吾儲位 (Minh Thái Tổ vấn Lưu Tam Ngô chư vị); 明太祖分封太重 (Minh Thái Tổ phân phong thái trọng); 明世宗玄修 (Minh Thế Tông huyền tu); 清太宗拘泥國俗 (Thanh Thái Tông câu nệ quốc tục); 清聖祖獨斷撤藩 (Thanh Thánh Tổ độc đoán triệt phiên); 題卓文君畫 (Đề Trác Văn Quân họa); 讀明史十咏 (Độc Minh sử

thập vịnh); 明世紀元 (Minh thế kỷ nguyên); 明太祖 (Minh Thái Tổ); 明成祖 (Minh Thành Tổ); 明英宗 (Minh Anh Tông); 明孝宗 (Minh Hiếu Tông); 明武宗 (Minh Vũ Tông); 明世宗 (Minh Thế Tông); 明神宗 (Minh Thần Tông); 明熹宗 (Minh Hi Tông); 明莊烈帝 (Minh trang liệt đế);...

Như vậy, thể tài trong thơ Minh Mệnh về vịnh sử Trung Hoa qua thống kê và miêu tả có thể thấy, tác giả có sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử Trung Hoa cũng như các nhân vật tiêu biểu trong lịch sử của đất nước này.

2.3. Đặc điểm thơ vịnh sử Trung Hoa của vua Minh Mệnh

Một trong những đặc điểm nổi bật về thơ vịnh sử về các nhân vật lịch sử Trung Hoa trong *Ngự chế thi tập* là ngoài phần chính văn, vua Minh Mệnh còn đem chuyện trong thơ để bàn đến việc chính sự và thông qua lời bàn ấy để nhắc nhở tự bản thân mình, con cháu mình không nên bắt chước cái dở của lịch sử mà phải học theo cái hay của lịch sử để nối tiếp cơ đồ triều Nguyễn vững bền về sau. Từ đó cũng góp phần rút ra các bài học sâu sắc, thiết thực trong việc cai quản triều chính ngày một tốt hơn.

漢高祖分羹	Phiên âm: Hán Cao Tổ phân canh	Tạm dịch: Hán Cao Tổ chia canh
雖莫奈何急計生， 至情安忍戲分羹。 天倫父子君臣重， 信布終難使盡誠。 (分羹之語，苟係一時急計，然父子出於天性至情何忍以此為戲。夫有父子然後有君臣，信布之反叛不忠亦難全責於彼等者也)	Tuy mặc nại hà cấp kế sinh, Chỉ tình an nhẫn hý phân canh. Thiên luân phụ tử quân thần trọng, Tín, Bố chung nan sử tận thành. (Phân canh chi ngữ, câu hệ nhất thời cấp kế, nhiên phụ tử xuất ư thiên tính, chỉ tình hà nhẫn dĩ thử vi hý, Phù hữu phụ tử nhiên hậu hữu quân thần, Tín, Bố chỉ phản bân bất trung, diệc nan toàn trách ư bỉ đẳng giả dã)	Tuy là trong khi nguy cấp, chớ nên sinh ra kế đó, Đến nỗi tình cha con sâu đậm sao nỡ đùa chia canh. Đạo trời luân lý tình cha con vua tôi làm trọng, Rút cuộc cũng không thể khiến cho Hàn Tín và Kinh Bố trung thành được. (Câu xin chia canh, tuy là nảy sinh trong lúc cấp bách, tuy nhiên tình cha con bởi do thiên tính, đến nỗi phải nhẫn tâm đem việc đó để làm trò đùa. Ôi có cha con rồi sau đó mới có vua tôi, bọn Hàn Tín, Kinh Bố làm phản, không trung thành, cũng khó mà hoàn toàn trách bọn chúng được).

Hoặc:

漢光武不為疲	Phiên âm: Hán Quang Vũ bất vi bì	Tạm dịch: Hán Quang Vũ không cho là mỗi mệt
已戢干戈易怠時， 猶勤政事不為疲。 後先同轍無多得， 惟我高皇可比之。 (我皇考世祖高皇帝 大定之後，早朝晏 罷猶日孜孜曾過日 中或逾丙夜比於光 武有過之無不及也。 予小子朝夕侍側欽 仰曷勝。故嗣位以 來不感逸豫宵旰業 兢我之子孫不必遠 效漢朝，但可近遵 家法則可卜萬年鴻 業矣)	<i>Dĩ tập can qua dị dãi thời, Do cần chính sự bất vi bì. Hậu tiên đồng triệt vô đa đắc, Duy ngã cao hoàng khả tỉ chi. (Ngã hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế đại định chi hậu, tảo kỳ án bãi do nhật tư tư tăng quá nhật trung hoặc du bính dạ tỉ ư Quang Vũ hữu quá chi vô bất cập dã. Dư tiểu tử triêu tịch thị trắc khâm ngưỡng hạt thắng. Cố tự vị dĩ lai bất cảm dật dự tiêu hãn nghiệp cạnh ngã chi tử tôn bất tất viễn hiệu Hán triều, dẫn khả cận tôn gia pháp tắc khả bốc vạn niên hồng nghiệp hĩ)</i>	Can qua đã dứt thời dễ biếng nhác, Là do chuyên cần việc chính sự nên không lấy làm mỗi mệt. Trước sau thống nhất không nơi nào không được yên ổn, Duy chỉ có cha ta mới có thể sánh cùng. (Cha ta Thế Tổ Cao hoàng đế sau khi thống nhất cơ đồ, đã siêng năng chính sự, hàng ngày chăm chăm làm đến quá trưa, hoặc làm đến canh ba, vua Quang Vũ cũng có chỗ không bằng. Tiểu tử ta sớm tối đứng hầu, vô cùng khâm phục. Cho nên từ khi kế vị đến nay, chưa từng mấy may lười biếng trễ nải đêm ngày vì cơ nghiệp. Con cháu ta không cần phải bắt chước việc xa xôi nhà Hán, nhưng hãy tuân theo phép tắc gần đây thì có thể xây dựng hồng đồ đến muôn năm)

Hoặc:

唐太宗貪官賜帛	Phiên âm: Đường Thái Tông tham quan tứ bạch	Tạm dịch: Đường Thái Tông ban cho quan tham dải lụa trắng
官高賄重喪良知， 賜帛何能使愧之。 律法嚴明猶故犯， 更開陷阱卻云誰。 (長孫順德官高祿重 復托椒房之親而貪 鄙若此可謂盡喪天 良。唐太宗尚以廉 恥責之乎。夫國家 大政惟賞與罰今貪 而受賜何以勸廉。 小人無知豈不是更 開陷阱)	<i>Quan cao hối trọng táng lương tri, Tứ bạch hà năng sử quý chi. Luật pháp nghiêm minh do cố phạm, Cánh khai hãm tịnh khước vân thùy. (Trường tôn Thuận Đức quan cao lộc trọng phục thác tiêu phòng chi thân, nhi tham bỉ nhược thử, khả vị tận táng thiên lương. Đường Thái Tông thượng dĩ liêm sĩ trách chi hồ. Phù quốc gia đại chính duy thường dĩ phạt, kim tham nhi thụ tứ hà dĩ khuyến liêm. Tiểu nhân vô tri khởi bất thi cánh khai hãm tịnh)</i>	Quan cao nhận hối lộ nhiều làm mất hết lương tri, Vua lại ban lụa làm sao có thể khiến cho họ hở thẹn. Luật pháp nghiêm minh mà có người còn vi phạm, Nay lại thêm cạm bẫy có thể nói được ai. (Trường tôn Thuận Đức làm chức cao bổng lộc nhiều, lại nhờ mối thân quen với hoàng hậu mà tham lam như thế có thể nói là mất hết lương tâm của mình. Đường Thái Tông thường lấy việc liêm sĩ để mà trách mắng hân ư? Ôi việc chính sự của đất nước duy có thường có phạt, nay đã tham lam rồi mà còn lại nhận thưởng thì lấy gì để mà khuyến khích người liêm chính. Bọn tiểu nhân không biết sợ há chẳng phải là lại mở thêm cạm bẫy)

Đối tượng vịnh sử trong thơ Minh Mệnh không phải là những hình mẫu lý tưởng của Nho gia như các vua Nghiêu, Thuấn, Văn, Vũ,... hay thiếu vắng những bề tôi trí quân

trạch dân như Chu Công, Y Doãn,... Những nhân vật mà Minh Mệnh nhắc đến trong thơ vịnh sử của mình bao gồm những con người xuất hiện từ trong sự thật lịch sử và

những sự kiện lịch sử cùng những câu chuyện lịch sử có thật trong những bối cảnh lịch sử hết sức sống động.

Trong *Độc sử thập vịnh* của vua Minh mệnh chính là chùm thơ vịnh về các ông vua đời Hán, Đường, Minh, Thanh, bên cạnh đó là những bề tôi. Những ông vua được thể hiện trên cả hai phương diện tốt cũng có mà xấu cũng có, ngay cả các bề tôi cũng vậy, cũng có bề tôi trung thành hết mực được khen ngợi, nhưng cũng có những bề tôi phản nghịch bị xã hội chê ghét, lịch sử lên án.

Ngự chế thi tứ tập, quyển 10 có bài *Đề Minh mạt Thanh sơ chư thần liệt truyện thập nhị vịnh* vịnh các bề tôi thời cuối Minh như: Sử Khả Pháp, Lư Tượng Thăng, Viên Sùng Hoán, Chu Ngô Cát, Tàn Lương Ngọc, Lý Định Quốc, Trịnh Thành Công, Hồng Thừa Trù, Khổng Hữu Đức, Cảnh Trọng Minh, Thượng Khả Hỉ, Ngô Tam Quế. Trong 12 bề tôi này lại có những bề tôi hết sức trung thành với nhà Minh, lòng trung thành của họ khiến người đời cảm động như: Sử Khả Pháp, Lư Tượng Thăng, Tàn Lương Ngọc,... Bên cạnh đó là những bề tôi đại nghịch bất đạo như: Khổng Hữu Đức, Cảnh Trọng Minh, Ngô Tam Quế,... bị người đời khinh bỉ.

Một vài nhân vật khác trong sử Trung Hoa như Khổng Minh, Chu Du, Khương Duy,... được Minh Mệnh hết lời ca ngợi. Khổng Minh đã biết được thiên hạ chia ba khi còn ở lều tranh và hết lòng trung nghĩa với vua. Trái lại, nhân vật Hoàng Hạo là kẻ xu nịnh dèm pha bị Minh Mệnh lên án chê bai.

2.4. Mục đích sáng tác thơ vịnh sử Trung Hoa của vua Minh Mệnh

Khi nhàn rồi vua Minh Mệnh thường quan tâm nhiều đến việc đọc sách và nghiên cứu điển xưa tích cũ trong lịch sử. Ngoài ra,

Minh Mệnh cũng cho sưu tầm nhiều thư tịch kinh điển của Trung Quốc. Khi vua Minh Mệnh nghĩ đến việc chấn hưng văn hóa, khuyến khích trọng dụng Nho sĩ nên đã đưa ra nhiều chính sách để thu mua sách vở, để thưởng cấp cho đủ. Trong đó, các sách như *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*, *Tiểu học* thể chú đều được cấp cho Quốc tử giám mỗi loại 50 bộ, còn các sách như văn sách, chế nghệ, luật phú, thí thiếp mỗi loại 300 bộ. Từ đó khiến cho việc học được mở rộng thêm nhằm chấn hưng văn hóa nước nhà. Trong *Ngự chế thi sơ tập* phần vịnh sử quyển 6, vua Minh Mệnh có nói rằng:

書齋偶坐幾務稍閒摘古今治亂之由 示 取舍勸懲之意 敢比宣尼之筆 聊擬司馬之書詩不求工但求品評 當於理事皆可證亦可鑒戒示於人非好貶褒只微得失摘毫數句用作弁篇。

Phiên âm: *Thư trai ngẫu tọa, cơ vụ sảo nhàn, trích cổ kim trị loạn chi do thị, thủ xá khuyến trừng chi ý, cảm tỉ Tuyên Ni chi bút, liêu nghĩ Tư Mã chi thư. Thi bất cầu công, dẫn cầu phẩm bình. Đương ư lý sự giai khả chứng diệc khả giám, giới thị ư nhân, phi hảo phiểm bao chỉ trưng đắc thất, xi hào sở cú dụng tác biên thiên.*

Tạm dịch: *[Ta] ngồi trong phòng sách công việc rảnh rồi, lựa chọn chỉ ra những điều về cách trị loạn từ xưa đến nay, có ý chọn lọc để răn dạy khuyến bảo, dám so với bút pháp của Khổng Tử, nghĩ về sách của Tư Mã Thiên. Thơ không cần sự tinh xảo chỉ cốt tìm sự đánh giá hợp lý. Việc đều có thể kiểm chứng giám sát, để răn dạy cho mọi người, chẳng phải cốt để khen chê tốt xấu mà chỉ kiểm nghiệm được việc được mất, lựa chọn vài câu dùng làm bài thơ.*

Như vậy, vua Minh Mệnh cho rằng đọc sử của Khổng Tử hay của Tư Mã Thiên viết cốt để biết được nguyên do của lễ trị loạn, dùng những kiến thức đó để răn dạy cho

mọi người, xem xét việc được mất của chính sự và để xử lý trong công việc.

Cũng trong *Ngự chế thi sơ tập*, quyển 9, Minh Mệnh nói rõ dụng ý vịnh sử Trung Quốc của mình. Đó không phải là bắt chước các văn nhân mà là kiểm nghiệm lẽ hưng suy của nhà Minh:

冬日天寒中宵默坐因萬幾之少暇爰一覽以怡情驗明世之興衰閱朱家之政體非效文人而好為議論實憑公道而用以勸懲數言紀事摘簡除繁十咏敷辭黜訛務實雖未能仰追春秋之筆亦不必傍比杜李之文豈謂尋章摘句致令詩不求工原非誇麗亦是言應務樸爰舒小引用冠諸篇建號武皇屢改更李唐趙宋不須評紀元惟一獨明世百代應宜效此行

Phiên âm: *Đông nhật thiên hàn, trung tiêu mặc tọa, nhân vận cơ chi thiểu hạ. Viên nhất lãm di tình nghiệm Minh thể chi hưng suy, duyệt Chu Gia chi chính thể. Phi hiệu văn nhân nhi hảo, vì nghị luận thực bằng công đạo dĩ khuyến trừng, sổ ngôn kỉ sự, trích giản trừ phồn, thập vịnh phu từ, truat ngoa vụ thực, tuy vị năng ngưỡng truy Xuân Thu chi bút, diệp bất tất bàng tỉ Đồ Lý chi văn. Khởi vị tầm chương trích cú, trí lệnh thi bất cầu công nguyên phi khoa lệ diệp thị ngôn ung vụ phác. Viên thư tiểu dẫn dụng quan chư thiên. Kiến hiệu Vũ Hoàng lữ cải cánh Lý Đường Triệu Tống bất tu bình kỉ nguyên. Duy nhất độc Minh đại ung nghị hiệu thử hành.*

Tạm dịch: Ngày đông trời lạnh giá, nửa đêm ngồi lặng yên, nhân có chút rảnh rỗi. Bèn vui vẻ xem xét lẽ hưng suy của triều đại nhà Minh, xem chính thể của Chu Gia. Chẳng phải để mà bắt chước văn nhân để làm tốt lấy đó để bàn bạc việc thực dựa vào công đạo dùng để khuyên răn, vài lời ghi chép trích lấy chỗ giản yếu, trừ bỏ chỗ phiền phức, mười bài ngâm ngợi đủ để trừ bỏ lỗi lầm. Tuy chưa thể dựa vào để theo bút pháp Xuân Thu, cũng không cần phải

sánh ngang hàng với văn chương của Đồ Phủ, Lý Bạch. Há bảo rằng tầm chương trích cú, đến như thơ không cần gọt dũa, chẳng phải để mà khoa trương vẻ đẹp dễ cũng chính là nói như thế nên để tự nhiên. Bèn thông thả làm tiểu dẫn dụng để thêm vào thiên này.

Cũng giống như quan điểm khi sáng tác thơ vịnh sử của Tự Đức được ghi trong lời tựa tập *Ngự chế Việt sử tổng vịnh thi tập*, qua những thi phẩm của mình, vua Minh Mệnh muốn nêu cao tấm gương lịch sử để giáo hóa quân, thần, sĩ, nữ đời sau: “*Sinh ra ngàn năm sau mà biết được chuyện của ngàn năm trước, nếu không có sử sách thì làm thế nào?... Ta truyền cho bề tôi ở Nội các chép lại, rồi cho khắc bản, ấn hành, hầu làm sáng tỏ cái chí của ta, muốn để lại tấm gương thành bại xưa nay*” [8, tr.225-228].

3. Kết luận

Với thể tài thơ vịnh sử và nghiên cứu sử Trung Quốc, vua Minh Mệnh đã thể hiện khẩu khí của một bậc đế vương. Nội dung những bài thơ về vịnh sử chủ yếu là về các bậc quân thần xuất hiện trong chính sử Trung Quốc. Họ là những con người thật, việc thật có tầm ảnh hưởng lớn đối với xã hội đương thời cũng như lịch sử phát triển của đất nước Trung Hoa. Những quân thần được Minh Mệnh đề cập đến trong thơ của mình có cả khen lẫn chê. Khi vịnh về những vị quân vương nổi tiếng thơ ông mang giọng điệu phê phán nhiều hơn là khen ngợi. Ví như Minh Mệnh chê Hán Cao Tổ nhẫn tâm đem tình cốt nhục ra làm trò đùa nên khó mà làm cho Hàn Tín, Kinh Bô hết lòng trung thành (*Hán Cao Tổ phân canh*). Ông lại chê Đường Thái Tông thường lựa cho tham quan khác nào đặt thêm cạm bẫy khó mà nói được ai (*Đường Thái Tông than quan tứ bạch*), lại chê Minh

Thành Tổ xem cốt nhục như cừ thù khó mà che giấu được những việc làm trái đạo thường (*Minh Thành Tổ*). Ngược lại, ông lại khen Gia Cát Lượng, Khương Duy và nhiều bề tôi khác như Sử Khả Pháp, Lữ Tượng Thăng, Tàn Lương Ngọc,... hết lòng trung thành vì đất nước. Thông qua vịnh sử Minh Mệnh cũng là để nói về lịch sử dân tộc mình, lịch sử của triều đại nhà Nguyễn. Trong những bài thơ vịnh sử trong *Ngự chế thi*, đa phần bài nào Minh Mệnh cũng có những lời bàn của mình song song với nội dung bài thơ, một phần là để tự răn mình, một phần cũng là để răn dạy con cháu mình. Để từ đó xem được mặt của chính sự, tìm ra lẽ hưng suy mà thôi.

CHÚ THÍCH

¹ Nguyễn Xuân Diện thống kê được tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu trữ 285 cuốn thơ vịnh sử. Cuốn sách tập hợp được nhiều tác phẩm thơ vịnh sử nhất là *Vịnh sử hợp tập* (1 bản viết tay, 246 trang). Dương Thúc Hiệp đề tựa năm Nhâm Dần, niên hiệu Thành Thái (1902), chép đến 900 bài thơ vịnh sử Trung Quốc của các tác giả Việt Nam Phạm Vĩ Khiêm (tức Phạm Nguyễn Du), Nguyễn Đức Đạt, Dương Thúc Hiệp... Xếp sau *Vịnh sử hợp tập* về số lượng bài thơ là *Vịnh sử thi tập* (6 bản in, 252 trang). Bộ sách có 570 bài thơ vịnh 225 nhân vật lịch sử Trung Quốc [...] Các tác giả có nhiều thơ vịnh sử có thể kể đến như Nam Sơn với 570 bài, Đinh Hồng Phiên với 364 bài, Nhữ Bá Sĩ với 307 bài, Thiệu Trị với 218 bài, Tự Đức với 212 bài, Cao Bá Quát với 206 bài, Phạm Nguyễn Du với 164 bài, Phan Thanh

Giản với 147 bài, Trần Lân Phu với 129 bài, Đặng Minh Khiêm với 123 bài, Hồng Quế Hiên với 104 bài, Lê Thánh Tông với 100 bài. (<http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=581&Catid=483>. Tra cứu ngày 26.12.2023).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Xuân Diện, “Có một dòng thơ vịnh sử trong di sản văn học của cha ông”, *Thông báo Hán Nôm học 2004*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tr.106-110.
- [2] Đinh Gia Khánh (Chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.
- [3] *Minh Mệnh ngự chế thi*, bản chữ Hán, ký hiệu H83A, H84, H86, H87, H88, tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Đà Lạt.
- [4] *Minh Mệnh ngự chế thi*, bản chữ Hán, tại thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm.
- [5] Bùi Duy Tân, “Thơ vịnh sử, thơ đi sứ và cảm hứng yêu nước thương nòi”, trong sách *Khảo và luận một số thể loại tác gia - tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, Tập hai, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.351-382.
- [6] Bùi Duy Tân, *Sơ sánh một số tác phẩm thơ vịnh sử cổ trung đại Trung Quốc và Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số: CB.03.26, 2004.
- [7] Trần Nho Thìn, *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [8] Trần Thanh Tùng, *Tuyển tập Thi luận Việt Nam thời Trung đại (thế kỷ X - XIX)*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2016.